

Số: 93 /TB-CtyMTĐTAG

An Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc báo giá chào giá mua sắm hoá chất cho hệ thống xử lý nước thải các bãi rác Bình Hoà, bãi rác Phú Thạnh và bãi rác kênh 10 Châu Đốc.

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá hoá chất cho hệ thống xử lý nước thải các bãi rác Bình Hoà, bãi rác Phú Thạnh và bãi rác kênh 10 Châu Đốc, với nội dung như sau:

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- **Đơn vị yêu cầu báo giá:** Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang
 - **Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá**
 - + Người nhận báo giá: Nguyễn Tiên Sỹ
 - + Nhân viên phòng kế hoạch – vật tư
 - + Điện thoại: 02963 842.996
 - Cách thức tiếp nhận báo giá, một trong cách thức sau:
 - + Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang. Số 147, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang.
 - Thời gian tiếp nhận báo giá từ ngày 22/07/2026 đến 17 giờ ngày 29/07/2026.
- Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên không được xem xét.
- Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.

2. Phạm vi cung cấp (theo danh mục đính kèm)

- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu.
- Giá báo đã bao gồm thuế VAT, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí vận chuyển theo yêu cầu.
- Hồ sơ báo giá niêm phong (nếu báo giá trực tiếp).

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang đề nghị các đơn vị có khả năng báo giá hoá chất cho hệ thống xử lý nước thải các bãi rác Bình Hoà, bãi rác Phú Thạnh và bãi rác kênh 10 Châu Đốc. Nếu có vướng mắc vui lòng liên hệ Phòng Kế hoạch – Vật tư qua số điện thoại 02963 842.996.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Tổng Giám đốc Công ty (báo cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Website của Công ty;
- Lưu: VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Môn

DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Đính kèm Thông báo số 93/TB-CtyMTĐTĐTAG ngày 22/07/2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang)

Stt	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng (01 tháng)	Số lượng (12 tháng)	Đơn giá	Thành tiền
I	Hệ thống XLNT Bình Hoà (100m3/ngày.đêm)					
1	Hóa chất PAC (dạng bột)	Kg	4.500	54.000		
2	Hóa chất FeCl ₃ 35% (dạng nước)	Kg	1.500	18.000		
3	Polimer Anion (dạng bột)	Kg	33	396		
4	NaOH 99% (dạng vảy)	Kg	1.800	21.600		
5	Axit H ₂ SO ₄ 98% (dạng nước)	Kg	1.500	18.000		
6	H ₂ O ₂ 50%	Lít	1.500	18.000		
7	Men vi sinh (bể hiếu khí)	Kg	30	360		
8	Mật rỉ	Kg	36	432		
II	Hệ thống XLNT Phú Thạnh (50m3/ngày.đêm)					
1	Hóa chất PAC (dạng bột)	Kg	2.250	27.000		
2	Hóa chất FeCl ₃ 35% (dạng nước)	Kg	750	9.000		
3	Polimer Anion (dạng bột)	Kg	16,5	198		
4	NaOH 99% (dạng vảy)	Kg	900	10.800		
5	Axit H ₂ SO ₄ 98% (dạng nước)	Kg	750	9.000		
6	H ₂ O ₂ 50%	Lít	750	9.000		
7	Men vi sinh (bể hiếu khí)	Kg	15	180		



Stt	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng (01 tháng)	Số lượng (12 tháng)	Đơn giá	Thành tiền
8	Mật rỉ	Kg	18	216		
III	Hệ thống XLNT kênh 10 Châu Đốc (50m3/ngày.đêm)					
1	Hóa chất PAC (dạng bột)	Kg	2.250	27.000		
2	Hóa chất FeCl ₃ 35% (dạng nước)	Kg	750	9.000		
3	Polimer Anion (dạng bột)	Kg	16,5	198		
4	NaOH 99% (dạng vảy)	Kg	900	10.800		
5	Axit H ₂ SO ₄ 98% (dạng nước)	Kg	750	9.000		
6	H ₂ O ₂ 50%	Lít	750	9.000		
7	Men vi sinh (bể hiếu khí)	Kg	15	180		
8	Mật rỉ	Kg	18	216		